

cần thiết khác là sinh lí, sinh hóa. Do đó cần thiết phải tổ chức một phức hệ bao gồm nhiều chuyên môn liên quan để nghiên cứu giải quyết tốt vấn đề giống.

3. Tổ chức một mạng lưới nghiên cứu về di truyền chọn giống ở các cơ sở.

Do nước ta có nhiều vùng sinh thái khác nhau nên vấn đề nghiên cứu di truyền giống ở nước ta rất phức tạp, do đó đề có đủ điều kiện nghiên cứu giống phù hợp các vùng sinh thái khác nhau và phù hợp từng vùng thì trong các vùng đó cần có những tổ chức nghiên cứu giải quyết giống ở địa phương mình dưới sự chỉ đạo về mặt học thuật của bộ phận di truyền giống trung tâm. Ngoài ra mạng lưới còn có nhiệm vụ tiếp nhận các thành tựu của trung tâm nghiên cứu áp dụng vào địa phương mình.

4. Nâng cao kiến thức về di truyền chọn giống:

Do những nguyên nhân khách quan và chủ quan kiến thức chung về mặt di truyền và chọn giống ở nước ta có bị hạn chế nhiều. Do đó nhiệm vụ cần thiết của bộ phận trung tâm là nghiên cứu mở những lớp đặc biệt nhằm nâng cao các kiến thức di truyền học hiện đại cũng như bồi dưỡng các phương pháp chọn giống chung cho đất nước. Đây mạnh việc biên soạn tài liệu thiết thực phục vụ cho nghiên cứu di truyền giống. Nghiên cứu đầy mạnh thông tin.

5. Tạo một cơ sở vật chất khá tốt:

Trong điều kiện hiện nay những thí nghiệm của các nghiên cứu khoa học đang chính qui dần, hoàn thiện và có nền nếp. Do đó cần phải tạo một cơ sở vật chất tốt để nghiên cứu di truyền giống với những khuôn khổ nhất định. Tránh những trở ngại do điều kiện tự nhiên gây ra. Xây dựng những phòng thí nghiệm phục vụ cho nghiên cứu di truyền và giống tương đối tốt.

Chuẩn bị một tiềm năng để phát triển mạnh trong tương lai:

Với một nước như nước ta để đảm đương những nhiệm vụ ngày càng phức tạp do những nghiên cứu về di truyền chọn giống của tất cả các loại cây trồng và gia súc khác nhau đặt ra, chúng ta cần có một đội ngũ gồm hàng trăm cán bộ trên đại học, trong đó có hàng chục với trình độ chuyên gia khá cao. Đội ngũ này một phần tập hợp ở bộ phận di truyền trung tâm và một phần làm việc trong các cơ sở nghiên cứu khác nhau, trong các trạm trại địa phương. Do đó ngay từ bây giờ chúng ta phải chuẩn bị đội ngũ cán bộ đó một cách tích cực. Cần có một kế hoạch cụ thể để đào tạo đủ các ngành.

Cần có một dự án về khung tổ chức để cuối cùng có thể hình thành một cơ sở nghiên cứu về di truyền giống đáng tin cậy bảo đảm thực hiện nhiều nhiệm vụ phức tạp trong việc phát triển kinh tế với yêu cầu ngày càng cao của đất nước.

NHỮNG TIÊU CHUẨN NHÀ NƯỚC BAN HÀNH TRONG HAI NĂM 1969—1970

HOÀNG MẠNH TUẤN

Trong hai năm qua, hơn 100 tiêu chuẩn Nhà nước về công nghiệp đã được xét duyệt và ban hành. Việc nghiên cứu xây dựng và hoàn chỉnh các dự thảo tiêu chuẩn này do nhiều cơ quan và cơ sở sản xuất tích cực tham gia như Viện thiết kế máy công nghiệp (Bộ Cơ khí — Luyện kim), Viện nghiên cứu Lâm nghiệp (Tổng cục Lâm nghiệp), Cục Kiểm nghiệm hàng hóa (Bộ Ngoại thương), Cục vải sợi may mặc (Bộ Nội thương), Tổng công ti

xuất nhập khẩu nông sản, thực phẩm (Bộ Ngoại thương), Công ti vải sợi may mặc Hà-nội, Trường đại học Bách khoa, Trường đại học Xây dựng, Trường đại học Lâm nghiệp, Nhà máy rượu Hà-nội, v.v... với sự đóng góp ý kiến rộng rãi của nhiều cơ quan có liên quan đến những vấn đề được tiêu chuẩn hóa. Nội dung của các tiêu chuẩn Nhà nước vừa ban hành trong hai năm qua đã đáp ứng được phần nào những yêu cầu của các ngành, góp

phần thiết thực trong việc chống buôn lậu quần áo, kỹ thuật và nâng cao công tác quản lý kỹ thuật lên một bước.

Trong lĩnh vực công nghiệp nhẹ, vừa qua Nhà nước đã ban hành 6 tiêu chuẩn về phương pháp đo cơ thể trẻ em và cỡ số quần áo trẻ em từ mới đẻ đến 17 tuổi (TCVN 371—70—TCVN 376—70).

Mặc là một nhu cầu thiết yếu của đời sống nhân dân. Mấy năm gần đây việc sản xuất quần áo trẻ em may sẵn được phát triển mạnh, nhưng những cỡ số quần áo hiện có trên thị trường nói chung còn mang nhiều nhược điểm, chưa đáp ứng được yêu cầu của tiêu dùng. Tình hình đó đòi hỏi phải tiêu chuẩn hóa cỡ số quần áo trẻ em, tạo cơ sở khoa học cho việc sản xuất những cỡ số quần áo thích hợp với đặc điểm phát triển bình thường của trẻ em Việt-nam. Đề mục này được tiến hành ngay từ những năm chống chiến tranh phá hoại do đế quốc Mỹ gây ra trên miền Bắc và được duyệt, ban hành vào cuối năm 1970. Trên cơ sở những số liệu điều tra cơ bản của hơn một vạn trẻ em trai và gái ở những lứa tuổi và địa phương khác nhau trên miền Bắc, tiêu chuẩn đã đề ra 29 cỡ số quần áo trẻ em trai (với 19 số cơ bản) và 26 cỡ số quần áo trẻ em gái (với 18 số cơ bản) từ mới đẻ đến 17 tuổi, đủ thỏa mãn mọi nhu cầu chủ yếu về cỡ số quần áo của trẻ em Việt-nam, phù hợp với những đặc điểm về sinh lý, khí hậu, kinh tế, tập quán, khả năng sản xuất và phân phối, thị hiếu tiêu dùng... của ta. Cùng với 2 tiêu chuẩn Nhà nước về cỡ số quần áo nam dùng cho người lớn đã được ban hành trước đây (TCVN 195 — 66, 196 — 66), những tiêu chuẩn Nhà nước về quần áo trẻ em mới ban hành gần đây sẽ tạo điều kiện quan trọng trong việc đưa ngành công nghiệp may sẵn ở nước ta đi vào nền nếp, tăng nhanh năng suất lao động, nâng cao chất lượng và tiết kiệm một số lượng đáng kể về vải và công sức. Đồng thời cũng sẽ nâng cao được tín nhiệm của mặt hàng may sẵn với người tiêu dùng, bảo đảm được những nhu cầu cơ bản và chính đáng của người dùng đối với các loại quần áo may sẵn.

Rượu là một trong số những mặt hàng xuất khẩu quan trọng của ta. Vừa qua, rượu « Lúa mới » của ta đã được tặng huy chương vàng tại Hội chợ Leipzig. Tuy nhiên, chất lượng rượu nói chung còn chưa ổn định, phương pháp kiểm tra chất lượng tại cơ sở sản xuất và các cơ quan quản lý chất lượng còn chưa thống nhất, những yêu cầu về bao

gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản còn tùy tiện, chưa được nghiên cứu kỹ càng. Tình hình đó làm khó khăn và hạn chế phần nào khả năng mở rộng diện xuất của mặt hàng rượu trên thị trường quốc tế. Các tiêu chuẩn Nhà nước về yêu cầu kỹ thuật của rượu « Lúa mới » (TCVN 377 — 70), về phương pháp thử rượu Lúa mới (TCVN 378 — 70), về bao gói, ghi nhãn, vận chuyển, bảo quản rượu xuất khẩu (TCVN 379 — 70) cùng bản qui định tạm thời về độ trong của các loại rượu màu xuất khẩu đã được nghiên cứu xây dựng và ban hành nhằm giải quyết tình hình nêu trên. Dựa trên sự phân tích đặc điểm và khả năng của sản xuất, thị hiếu và yêu cầu của khách hàng nước ngoài, với mức độ tận dụng tối đa những điều kiện thuận lợi của ta và những thành tựu mới về khoa học, kỹ thuật của các nước trong lĩnh vực này, các tiêu chuẩn Nhà nước về rượu Lúa mới và rượu xuất khẩu nói chung sẽ tạo cơ sở cho việc ổn định chất lượng mặt hàng (từ khâu qui định các chỉ tiêu chất lượng của rượu đến những khâu nhằm bảo đảm chất lượng trong khi chuyên chở, vận chuyển, bảo quản). Nó cũng đề ra những phương pháp thống nhất đánh giá chất lượng giữa các cơ sở trong nước và với nước ngoài, góp phần vào việc phát huy truyền thống tốt, mở rộng thị trường của hàng Việt-nam trên thị trường quốc tế.

Về cơ khí, tiếp theo hàng loạt tiêu chuẩn Nhà nước đã ban hành từ trước, trong hai năm qua Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đã ban hành tiếp một số tiêu chuẩn về chi tiết lắp xiết : đai ốc tròn (TCVN 328—69—TCVN 332—69), đai ốc cánh (TCVN 335—69), mũ ốc (TCVN 333—69, TCVN 334—69), vòng đệm hãm (TCVN 347—70 — 354—70), mặt tựa cho chi tiết lắp xiết (TCVN 336—69). Nhóm chi tiết gá lắp cũng đã bắt đầu được tiêu chuẩn hóa (TCVN 387—70 — TCVN 400—70). Ngoài ra, một số tiêu chuẩn về các vấn đề kỹ thuật chung cũng đã được bổ sung thêm như tiêu chuẩn sai lệch về hình dáng và vị trí bề mặt (TCVN 384—70), sai lệch về kích thước và khối lượng vật đúc bằng gang xám (TCVN 385—70), độ nghiêng thoát khuôn của mẫu đúc (TCVN 386—70), côn ngắn của dụng cụ (TCVN 383—70). Hai tiêu chuẩn ban hành năm 1963 đã được sửa đổi và ban hành mới là tiêu chuẩn về côn của dụng cụ (TCVN 136—70) và tiêu chuẩn dung sai côn của dụng cụ (TCVN 137—70).

Về điện, năm 1969 Nhà nước đã ban hành tiếp hai tiêu chuẩn về dây công suất, điện áp và tốc độ quay định mức cho động cơ điện

không đồng bộ ba pha có công suất từ 100 đến 1 000 kW (TCVN 315—69) và cho máy phát điện đồng bộ ba pha có công suất từ 100 đến 1 000 kW (TCVN 316—69). Để bảo đảm việc lắp đồng bộ giữa máy điện và các máy móc thiết bị khác, Nhà nước cũng đã ban hành tiêu chuẩn về chiều cao trục quay của máy điện và các máy khác nối trực tiếp với máy điện (TCVN 327—69).

Trong lĩnh vực *nguyên vật liệu*, Nhà nước cũng đã ban hành tiếp một loạt tiêu chuẩn về phương pháp thử nhằm bảo đảm việc đánh giá thống nhất chất lượng các loại vật liệu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc xác định và nâng cao chất lượng của chúng. Về phương pháp thử gang và thép, tiếp theo 6 tiêu chuẩn đã ban hành cuối năm 1968, Nhà nước đã ban hành thêm 14 tiêu chuẩn về phương pháp xác định các hàm lượng cacbon không liên kết, titan, kền, bo, vonfram, tantan, molipden, nito, coban, đồng, vanadi, crôm, asen, nhôm toàn phần trong gang thép (TCVN 298—69—TCVN 311—69). Nhóm tiêu chuẩn về phương pháp thử kim loại cũng đã được bổ sung thêm 3 tiêu chuẩn về phương pháp xác định độ dai va đập của kim loại ở nhiệt độ thường (TCVN 312—69), phương pháp thử xoắn kim loại (TCVN 313—69), phương pháp thử kéo đối với ống kim loại (TCVN 314—69).

Đối với các phương pháp thử gỗ, vừa qua Nhà nước cũng đã ban hành 16 tiêu chuẩn về phương pháp chọn cây và gỗ tròn để nghiên cứu tính chất cơ lí của gỗ (TCVN 355—70), phương pháp lấy mẫu và yêu cầu chung khi thử cơ lí của gỗ (TCVN 356—70), phương pháp xác định số vòng năm của gỗ (TCVN 357—70), phương pháp xác định độ ẩm, độ hút ẩm, độ hút nước và độ dẫn dài, độ co rút, khối lượng thể tích của gỗ (TCVN 358—70—TCVN 362—70), phương pháp xác định giới hạn bền khi nén, khi kéo, khi uốn tĩnh, công riêng khi uốn va đập, giới hạn bền khi trượt và cắt, sức chống tách, độ cứng, các chỉ tiêu biến dạng đàn hồi của gỗ (TCVN 363—70—TCVN 370—70).

Để phục vụ cho việc đánh giá chất lượng của các công trình xây dựng, tiếp theo việc tiêu chuẩn hóa phương pháp thử gạch, vừa qua Nhà nước cũng đã ban hành 10 tiêu chuẩn về phương pháp thử cát xây dựng, trong đó qui định những yêu cầu chung khi tiến hành thử, phương pháp lấy mẫu, phương pháp xác định thành phần khoáng vật, khối lượng riêng, khối lượng thể tích và độ xốp ở trạng thái không nén chặt, độ ẩm, thành phần hạt và mô đun độ nhỏ, hàm lượng chung

của đất sét và bụi, hàm lượng đất sét, tạp chất hữu cơ, hàm lượng sunfua trioxit (TCVN 337—70—TCVN 346—70).

Trong khi tiến hành phân tích các thành phần hóa học của than để đánh giá chất lượng than, ta thường gặp những trường hợp phải tính chuyển một thành phần nào đó từ trạng thái này sang trạng thái khác, ví dụ tính chuyển độ tro từ trạng thái phân tích sang trạng thái khô, chuyển thành phần chất bốc từ trạng thái phân tích sang trạng thái cháy, v.v... Tiêu chuẩn Nhà nước về phương pháp tính chuyển thành phần ở những trạng thái khác nhau của than (TCVN 318—69) nhằm giải quyết vấn đề trên, tạo điều kiện cho việc tính toán được nhanh chóng, thuận lợi, chính xác.

Về *dụng cụ hóa nghiệm*, năm 1969 Ủy ban Khoa học và Kỹ thuật Nhà nước đã ban hành một tiêu chuẩn về yêu cầu kĩ thuật đối với dụng cụ đo dung tích bằng thủy tĩnh dùng trong thí nghiệm (TCVN 326—69). Tiêu chuẩn này qui định những yêu cầu kĩ thuật có tính chất chung nhất đối với các loại dụng cụ đo dung tích bằng thủy tĩnh, làm cơ sở để cho các xí nghiệp của ta dựa theo đó mà phấn đấu nâng cao chất lượng các mặt hàng này lên một bước. Trong thời gian qua, một số xí nghiệp và hợp tác xã sản xuất các loại buret, pipet, ống đong, bình định mức... đã áp dụng và thực hiện tương đối tốt những chỉ tiêu đề ra trong tiêu chuẩn này.

Về *những vấn đề kĩ thuật chung*, chúng ta cũng đã có thêm một số tiêu chuẩn Nhà nước mới. Tiêu chuẩn về phương pháp tính chuyển khối lượng những vật liệu và sản phẩm thấm ướt có độ ẩm thực tế chênh lệch với độ ẩm đã được định mức (TCVN 319—69), đề ra những công thức để tính chuyển khối lượng của vật liệu hoặc sản phẩm ở những độ ẩm khác nhau về khối lượng ở một độ ẩm nhất định để bảo đảm việc xác định thống nhất khối lượng và chất lượng của vật liệu và sản phẩm. Việc tính chuyển này là rất cần thiết trong quá trình tính toán, thiết kế, thí nghiệm cũng như trong việc kí hợp đồng mua bán, qui định giá cả giữa các bên hữu quan ở trong nước và nước ngoài. Trong tiêu chuẩn có những bảng lập sẵn để tính chuyển khối lượng vật liệu và sản phẩm ở độ ẩm từ 0 tới 40% (với bậc nhảy là 0.5%) để giúp cho quá trình vận dụng tiêu chuẩn được dễ dàng.

Nước là loại vật liệu được sử dụng rộng rãi trong các lĩnh vực nghiên cứu khoa học kĩ thuật, công nghiệp, thương mại, quốc

phòng... Tiêu chuẩn Nhà nước về tỉ trọng của nước ở nhiệt độ từ 0° đến 100°C (TCVN 317—69) với những bảng lập sẵn có trị số tới 5 con số lẻ sau dấu phẩy (bậc nhảy là $0,1^{\circ}$) bảo đảm việc sử dụng những số liệu về tỉ trọng của nước trong phạm vi biến động nhiệt độ từ 0° đến 100°C được thống nhất và chính xác.

Trong các máy móc của ta hiện dùng, còn có một số máy của nước ngoài có kích thước tính theo hệ đo lường của Anh. Để giúp cho việc tính chuyển những kích thước này sang kích thước của hệ mét khi sửa chữa, thay thế, trong tiêu chuẩn Nhà nước về bảng tính chuyển in-sơ—milimet từ 1 micrôin-sơ đến 100'' (TCVN 380—70—TCVN 382—70), đã lập sẵn những bảng tính chuyển (theo sự tương quan $1'' = 25,4\text{ mm}$) để tiện tra cứu.

Vấn đề thống nhất kí hiệu những đại lượng thông dụng trong khoa học và kĩ thuật cũng là một vấn đề quan trọng, cần được sớm đặt ra. Vừa qua, trong sản xuất cũng như trong giảng dạy, trên các sách vở, tạp chí cũng như trong các tài liệu trao đổi giữa các cơ quan với nhau, nhiều khái niệm, nhiều đại lượng thường được kí hiệu bằng những chữ, những dấu khác nhau, làm khó khăn cho việc trao đổi, thông hiểu, nhiều khi gây ra những nhầm lẫn đáng tiếc. Các tiêu chuẩn Nhà nước về kí hiệu toán (TCVN 320—69), kí hiệu các đại lượng kĩ thuật thông dụng: cơ, điện, từ, nhiệt, quang, âm (TCVN 321—69—TCVN 325—69) đã qui định những kí hiệu thông dụng nhất trong các lĩnh vực trên, bảo đảm sự thông hiểu thống nhất giữa mọi người, mọi ngành khi sử dụng các kí hiệu đó.

Cùng với hơn 100 tiêu chuẩn Nhà nước về các sản phẩm công nghiệp đã được ban hành trong hai năm qua, năm 1970 còn có hơn 600 tiêu chuẩn Nhà nước về các sản phẩm i tế được ban hành (TCVN 401—70—TCVN 1 039—70), đánh dấu một bước trưởng thành quan

trọng của ngành i tế trong việc phấn đấu ồ ạt định và nâng cao chất lượng sản phẩm, phục vụ tốt cho việc phòng bệnh, chữa bệnh, nhằm không ngừng nâng cao sức khỏe của nhân dân.

Ngoài những tiêu chuẩn Nhà nước đã được ban hành nêu ở trên, trong hai năm qua còn nhiều đề mục đang được nghiên cứu xây dựng như những tiêu chuẩn về nông nghiệp (giống lợn i, giống lúa, cà phê, chè búp, kí hiệu máy nông nghiệp), về lâm nghiệp (phân nhóm gỗ, kích thước gỗ tròn, gỗ xẻ, khuyết tật gỗ, thuật ngữ về gỗ xẻ, bảng tính thể tích gỗ tròn và gỗ xẻ), về công nghiệp nhẹ (đồ gỗ, cùn, nước mắm, chai rượu), về cơ khí (gam điêzen, gam máy rèn dập, độ nhẵn bề mặt, bánh răng, đầu trục, lỗ tâm, mũi tâm, vít cấy, vòng đệm chắn, đồ gá), về nguyên vật liệu (quặng sắt, gỗ chống lở, xi măng, thủy tinh), về hóa (phân loại hóa chất, thuốc thử, oxi, phân lân), về một số vấn đề chung như danh từ kiến trúc, nhiệt độ chuẩn, độ ẩm chuẩn v.v... Những đề mục này, cùng với những đề mục mới triển khai năm 1971, đang được xúc tiến hoàn thành với sự tích cực tham gia của nhiều cơ quan nghiên cứu, thiết kế, giảng dạy và các cơ sở sản xuất.

Như vậy là tính từ năm 1963 cho đến cuối năm 1970, 400 tiêu chuẩn Nhà nước về các sản phẩm công nghiệp và 639 tiêu chuẩn Nhà nước về các sản phẩm i tế đã được ban hành, bao gồm nhiều lĩnh vực quan trọng của nền kinh tế quốc dân. Những tiêu chuẩn đó cần được các ngành, các địa phương, các cơ sở sản xuất nghiên cứu kĩ càng để tích cực áp dụng trong phạm vi có liên quan tới mình. Việc nghiêm chỉnh chấp hành các tiêu chuẩn kĩ thuật sẽ tạo điều kiện tốt để chống buôn lỏng quản lí kĩ thuật, nâng cao chất lượng sản phẩm, nâng cao năng suất lao động và hạ giá thành sản phẩm, đi dần vào cách làm ăn có kế hoạch, có tổ chức kỉ luật, chuẩn bị cho những bước phát triển mạnh mẽ hơn nữa sau này.